

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14 - 9 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và bà Nguyễn Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1974. Nơi thường trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1976. Nơi thường trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của anh Hoàng Quốc V là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ ngày 23/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình chung sống tiếp theo, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ công việc cùng nhau, vợ chồng không nói được với nhau lâu, nếu nói lâu thì lại cãi nhau. Từ khoảng năm 2008 – 2009, anh đã đi làm theo công trình và thuê nhà ở đó luôn. Chị N cùng các con ở cùng mẹ của anh tại tổ dân phố số 5, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ. Một năm anh chỉ về nhà 2 lần thăm mẹ và các con. Mỗi lần anh về thăm nhà là vợ chồng lại cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 14 năm. Trong suốt thời gian sống ly thân, vợ chồng

không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Huy, sinh ngày 02/6/2003 và cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007. Cháu Huy đang học tại trường Đại học Điện lực, đã trưởng thành, khỏe mạnh. Cháu Trang đang ở cùng chị N. Ly hôn, cháu Trang muốn ở với bố hoặc mẹ, anh đều đồng ý. Nếu chị N nuôi cháu Trang, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 05 triệu đồng/tháng. Nếu chị N để anh nuôi cháu Trang, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh V đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cuộc sống bình thường và có 02 con chung. Từ năm 2008, anh V thường xuyên đi làm công trình, không ở nhà. Anh V là con trai duy nhất trong gia đình nên việc chăm sóc bố mẹ chồng và quán xuyến việc nuôi dạy con chủ yếu là do chị đảm nhận. Hàng năm, chỉ ngày lễ, ngày Tết anh V mới về nhà thăm bố mẹ, vợ và các con. Chị biết là anh V có quan hệ trai gái bên ngoài nên 14 năm nay, anh V không quan tâm, hỏi han gì chị. Mặc dù hôn nhân giữa chị và anh V không còn hạnh phúc nhưng vì các con nên chị chấp nhận, anh V muốn đi đâu thì đi, miễn là để mẹ con chị ở nhà như hiện tại là được. Nếu anh V kiên quyết xin ly hôn, anh V phải bồi thường công sức chị chăm sóc bố, mẹ chồng và các con trong suốt 14 năm anh V không ở nhà số tiền là 588 triệu đồng. Số tiền chị yêu cầu anh V bồi thường là công sức chị chăm sóc bố mẹ chồng và chăm con. Nếu anh V đồng ý bồi thường cho chị số tiền 588 triệu đồng, thì chị sẽ đồng ý ly hôn ngay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Huy, sinh ngày 02/6/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh và cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007. Nếu ly hôn, chị nhận nuôi cháu Trang và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 05 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bà Lê Thị Lập là mẹ đẻ anh V trình bày: Năm 2002, anh V kết hôn với chị N. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh V sống chung, ăn chung cùng với gia đình bà. Sau khoảng 02 năm thì vợ chồng anh V ăn riêng nhưng vẫn sống chung cùng nhà với bà. Cuộc sống vợ chồng anh V bình thường, thỉnh thoảng cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Từ khoảng năm 2008, anh V thường xuyên đi làm công trình ở xa. Chỉ vào dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết anh mới về nhà. Hàng tháng anh V vẫn gửi tiền cho bà để đóng học cho 02 con của anh V và để bà có thêm tiền chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Cuộc sống vợ chồng anh V tồn tại cứ như vậy, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, động viên, hỏi han gì nhau. Bà không muốn vợ chồng anh V ly hôn vì ảnh hưởng đến tương lai của các con chung của anh chị. Toàn bộ nhà, đất bà và mẹ con chị N đang ở là của bà. Nếu vợ chồng anh V ly hôn, bà vẫn đồng ý để chị N tiếp tục chung sống cùng nhà với bà.

* Kết quả điều tra, xác minh: Anh V và chị N phát sinh mâu thuẫn từ công việc và sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Do đặc thù công việc của anh V thường

xuân đi làm xa nhà nên vợ chồng không sống cùng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2008 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, anh V giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N. Chị N xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh V nhưng không đồng ý ly hôn. Quá trình điều tra, chị N yêu cầu anh V phải bồi thường công sức chăm sóc bố, mẹ chồng và các con cho chị trong 14 năm anh V không ở nhà số tiền là 588 triệu đồng. Nhưng tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu, nếu anh V hỗ trợ cho chị số tiền 654 triệu đồng thì chị đồng ý ly hôn anh V. Anh Việt không đồng ý hỗ trợ cho chị N đồng nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Quốc V, anh V được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N. Về con chung: Cháu Hoàng Tuấn Huy, sinh ngày 02/6/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không phải giải quyết. Giao cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng nuôi cháu Trang 05 triệu đồng/tháng. Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Hoàng Quốc V xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N có nơi thường trú tại thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hoàng Quốc V và chị Nguyễn Thị Hồng N được xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn

ngày 23/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh V và chị N chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không đồng nhất về công việc làm ăn và sinh hoạt cuộc sống hàng ngày. Từ năm 2008, anh V làm công trình xa nhà nên mỗi năm chỉ về thăm gia đình 2 lần. Những lần về nhà, vợ chồng không gần gũi, gắn bó, không quan tâm hỏi han nhau. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng cả anh V và chị N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Anh V vẫn xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn nếu anh V hỗ trợ cho chị số tiền 654 triệu đồng. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa anh V và chị N không còn gắn bó, cả 2 đều không còn tình cảm vợ chồng với nhau, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, hôn nhân còn tồn tại nhưng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hoàng Quốc Việt.

[2.2]. Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Huy, sinh ngày 02/6/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh và cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007. Chị N xin nuôi cháu Trang và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 05 triệu đồng/tháng, anh V đồng ý. Sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn giữa các đương là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai nên không xem xét.

[3]. Chị N đề nghị anh V hỗ trợ cho chị số tiền 654 triệu đồng thì chị N đồng ý ly hôn. Anh V không đồng ý hỗ trợ cho chị N đồng nào. Xét thấy, anh V làm trông coi, quản lý công trình, thu nhập 15-20 triệu đồng/tháng và hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con 05 triệu đồng. Chị N làm nhân viên văn phòng tại trường học, thu nhập 04-05 triệu đồng/tháng, không thuộc trường hợp khó khăn. Anh V không thuộc trường hợp có điều kiện về kinh tế và anh V không tự nguyện hỗ trợ cho chị N khi ly hôn, nên không có căn cứ để xem xét đề nghị của chị N.

[4]. Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Quốc V.

1.1. Anh Hoàng Quốc V được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

1.2. Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn Huy, sinh ngày 02/6/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh và cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007. Giao cho chị N được nuôi cháu Hoàng Quỳnh Trang, sinh ngày 07/11/2007 cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Hồng N mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) kể từ tháng 10/2023 cho đến khi cháu Trang đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

1.4. Về tài sản chung và nợ: Không có.

2. Về án phí: Anh Hoàng Quốc V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042145 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Anh V còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu